

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 66/2022/DSST

Ngày: 28/4/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tấn Đạt

2/ Ông Nguyễn Văn Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Vĩnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05b/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hà Phùng T, sinh năm XXXX, có mặt

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T1, sinh năm XXXX, có mặt

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị M, sinh năm XXXX, vắng mặt

Trần Thị Nhạn L, sinh năm XXXX, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2021 và quá trình xét xử nguyên đơn bà Hà Phùng T trình bày: Trong năm 2016 bà T có cho anh T1 vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi theo lãi suất vay Ngân hàng C. Anh T1 trả lãi đến tháng 8/2017 ngưng không trả lãi. Do anh T1 không có tiền trả cho bà T, nên thỏa thuận bà T vay tiền cho anh T2 50.000.000 đồng và phải trả 04 tháng tiền lãi tổng cộng là 60.000.000 đồng. Nên anh T1 viết giấy nhận nợ số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 16/3/2019 có mẹ anh T1 là bà M và vợ anh T1 là chị L cùng ký giấy nợ, hẹn đến ngày 15/8/2019 trả tiền để bà T trả cho Ngân hàng. Nhưng đến nay anh T1 không trả tiền. Bà T nhiều lần đòi tiền, anh T1 hẹn nhưng không thực hiện. Bà T yêu cầu anh T1 trả số tiền vay 60.000.000 đồng và lãi từ ngày 15/3/2019 đến ngày xét xử theo lãi suất vay Ngân hàng C như đã thống nhất với anh T1 là 19.600.000 đồng, tổng cộng là 79.600.000 đồng. Bà T đồng ý cho anh T1 trả tiền hai lần, cụ thể là khi án có hiệu lực pháp luật phải trả 1/2 số tiền. Sau khi án có hiệu lực pháp luật 01 tháng anh T1 phải trả hết số tiền còn lại.

* Quá trình xét xử bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Trong năm 2015 anh T1 vay số tiền 50.000.000 đồng của bà T. Anh T1 có trả vốn và lãi đến năm 2016 còn nợ tiền vay 30.000.000 đồng. Do anh T1 không trả tiền nên bà T cộng dồn lãi vào vốn lên đến 60.000.000 đồng. Anh T1 cùng với mẹ và vợ ký giấy nhận nợ ngày 16/3/2019 với số tiền 60.000.000 đồng, và đồng ý trả lãi theo lãi suất vay Ngân hàng C, nhưng đến nay anh T1 chưa trả tiền. Anh T1 đồng ý trả bà T số tiền vay 60.000.000 đồng và lãi 19.600.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn, anh T1 yêu cầu được trả tiền 02 lần: Khi án có hiệu lực pháp luật trả 1/2 số tiền. Sau khi án có hiệu lực pháp luật 03 tháng trả hết số tiền còn lại.

* Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M và chị Trần Thị Nhạn L vắng mặt không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định. Việc thu thập tài liệu chứng cứ; thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng bà M

và chị L vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M và chị L.

[2] Xét yêu cầu của bà Hà Phùng T. Chứng cứ bà T cung cấp là bản chính giấy nhận nợ ngày 16/3/2019, có nội dung như bà T, anh T1 trình bày. Theo đó, đã xác lập quan hệ vay tài sản giữa các bên theo Điều 463 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa bà T và anh T1 thống nhất số tiền phải thanh toán tổng cộng là 79.600.000 đồng. Bà T yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền trên. Anh T1 đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà T, phù hợp Điều 466 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về thời gian thực hiện trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy theo giấy nhận nợ các bên thỏa thuận đến ngày 15/8/2019 anh T1 phải trả tiền cho bà T, nhưng đến nay chưa thực hiện. Như vậy anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng. Nay anh T1 yêu cầu thời gian trả tiền như trên là thiệt quyền lợi hợp pháp của bà T, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh T1. Bà T đồng ý cho anh T1 trả số tiền 02 lần là phù hợp, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T. Bà T không yêu cầu bà M, chị L cùng có nghĩa vụ trả tiền là quyền tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Yêu cầu của bà T được chấp nhận toàn bộ, nên anh T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 357 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Phùng T.

Buộc anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả bà Hà Phùng T số tiền 79.600.000 đồng (Gồm vốn vay 60.000.000 đồng, lãi 19.600.000 đồng). Thời gian thực hiện trả tiền: Khi án có hiệu lực pháp luật phải trả 39.800.000 đồng. Sau khi án có hiệu lực pháp luật 01 tháng trả 39.800.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.980.000 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực, bà Hà Phùng T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Văn T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng